

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 313/BC-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Tam Đường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng kế hoạch vốn	KHV giao chi tiết	Tình hình thực hiện năm 2025					Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Khối lượng thực hiện		Giải ngân từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				
									Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2025	Tổng số	Trong đó: Thanh toán KLHT	Tạm ứng		
TỔNG CỘNG						337.768	133.162	120.769	117.829	54.680	64.691	48.770	15.921	54%	
A	NGUỒN HUYỆN QUẢN LÝ					334.053	130.117	118.589	117.324	54.525	63.835	47.935	15.900	54%	
I	Nguồn XDCB tập trung					49.900	21.567	21.567	20.485	15.627	17.106	15.627	1.479	79%	
1.1	Các dự án chuyển tiếp					43.900	19.807	19.807	19.989	15.131	15.346	15.131	216	77%	
1	Đường nội đồng bản Nà Đa	TT Tam Đường	L=1,25004 km	2024-2025	3457-04/12/2023	2.400	1.900	1.900	1.417	1.237	1.237	1.237		65%	
2	Đường nội đồng bản Chũ Lìn	Xã Hồ Thầu	L=1,72227 km	2024-2025	3458-04/12/2023	3.700	3.200	3.200	2.968	2.968	3.060	2.968	92	96%	
3	Hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất đường 36 đối diện công ty Đất hiếm, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường	TT Tam Đường	HTKT cấp IV	2024-2025	1899-14/8/2024	1.500	900	900	627	267	267	267		30%	
4	Cải tạo khuôn viên và các hạng mục phụ trợ hồ Mường Lự, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường	TT Tam Đường	HTKT, nhóm C, cấp IV	2023-2025	3456-04/12/2023	7.900	6.098	6.098	4.150	3.762	3.777	3.762	15	62%	
5	Trụ sở làm việc Thị trấn Tam Đường	TT Tam Đường	DD cấp III	2023-2024	4063-12/12/2022	13.900	4.259	4.259	6.233	4.097	4.205	4.097	108	99%	
6	Nhà hiệu bộ 2 tầng 8 phòng; nhà lớp học 3 tầng 18 phòng và các hạng mục phụ trợ, xã Nà Tầm, huyện Tam Đường	Xã Nà Tầm	DD cấp III	2023-2025	3459-04/12/2023	14.500	3.450	3.450	4.594	2.800	2.800	2.800		81%	
1.2	Các dự án khởi công mới năm 2025					6.000	1.760	1.760	496	496	1.760	496	1.264	100%	
1	Nước sinh hoạt bản Phìn Ngan Lao Chải-Phìn Ngan Xin Chải	Xã Tả Lèng	L=9830,14m	2025-2026	2620a-26/11/2024	6.000	1.760	1.760	496	496	1.760	496	1.264	100%	
II	Nguồn hỗ trợ để xây dựng huyện nông thôn mới					103.056	35.467	25.571	13.935	13.396	10.029	6.986	3.043	39%	
2.1	Các dự án chuyển tiếp					77.560	11.849	11.849	11.298	10.760	4.349	4.349	-	37%	
1	Nâng cấp cải tạo tuyến đường Khun Há	Xã Khun Há	GTNT cấp IV	2023-2025	4066-13/12/2022	10.400	2.345	2.345	2.242	1.703	1.703	1.703		73%	
2	Trụ sở làm việc Thị trấn Tam Đường	TT Tam Đường	DD cấp III	2023-2024	4063-12/12/2022	13.900	2.737	2.737	2.314	2.314	2.314	2.314		85%	
3	Nước sinh hoạt bản Phìn Ngan Lao Chải- Phìn Ngan Xin Chải	xã Tả Lèng	HTKT cấp III	2025	2620a - 26/11/2024	6.000	4.213,0	4.213,0	6.411	6.411	-			0%	
4	Trung tâm Giáo dục- Thường xuyên	xã Bình Lự	DD cấp III	2023-2025	4082/13.12.2022	6.500	332,2	332,2	332	332	332	332		100%	
5	Đầu tư Trung tâm Văn hóa- Thể thao huyện	Huyện Tam Đường	DD cấp III	2023-2025	4083/13.12.2022	13.000	1.031,7	1.031,7	-	-	-			0%	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng kế hoạch vốn	KHV giao chi tiết	Tình hình thực hiện năm 2025					Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Khối lượng thực hiện		Giải ngân từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				
									Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2025	Tổng số	Trong đó: Thanh toán KLHT	Tạm ứng		
6	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Bản Giang- Nùng Nàng và các công trình trên tuyến	Xã Bản Giang; Nùng Nàng	GTNT cấp IV	2023-2025	4064/13.12.2022	18.200	713,8	713,8	-	-	-			0%	
7	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường QL4D- Tà Lèng- San Tra Mán, xã Tà Lèng	Xã Tà Lèng	GTNT cấp IV	2023-2025	4065/13.12.2022	9.560	476,9	476,9	-	-	-			0%	
2.2	KCM năm 2025					15.600	13.722	13.722	2.636	2.636	5.679	2.636	3.043	41%	
1	Đầu tư nâng cấp đường trục bán tại xã Giang Ma, huyện Tam Đường	Xã Giang Ma	L=1244,15m	2025	2621a-26/11/2024	1.500	1.500	1.500	143	143	777	143	634	52%	
2	Xây dựng Trung tâm văn hóa- thể thao xã Bản Bo	Xã Bản Bo	Nhà văn hóa thể thao, nvs và các hạng mục phụ trợ	2025	2574-20/11/2024	2.000	122	122	117	117	121,6	117	5	100%	
3	Xây dựng Nhà văn hóa bản Thống Nhất, xã Bình Lư, huyện Tam Đường	Xã Bình Lư	Nvh và các hạng mục phụ trợ	2025	2620-26/11/2024	800	800	800	50	50	250	50	200	31%	
4	Trường mầm non trung tâm xã Bản Hon, huyện Tam Đường	Xã Bản Hon	Nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	2025	2627-28/11/2024	4.000	4.000	4.000	838	838	1.910	838	1.072	48%	
5	Trường mầm non trung tâm xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường	Xã Hồ Thầu	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	2025	2622a-26/11/2024	7.000	7.000	7.000	1.224	1.224	2.344	1.224	1.120	33%	
6	Các công trình phụ trợ sân vận động xã Giang Ma	Xã Giang Ma	Hệ thống rãnh thoát nước và các hạng mục phụ trợ	2025	2623a-26/11/2024	300	300	300	266	266	277	266	12	92%	
7	Chưa giao chi tiết					9.895,514	9.896								do dừng thực hiện một số
III	Đề án PTHT thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung					2.325	156	156	1.885	156	156	156	-	100%	
1	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Bình Lư	Xã Bình Lư	GT NT - C	2023-2025	2465-11/7/2022	2.325	156	156	1885	156	156	156		100%	
V	NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA					178.772	72.927	71.295	81.019	25.346	36.544	25.167	11.377	51%	
1	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI					80.594	19.783	19.783	38.461	8.424	8.811	8.424	386	45%	
1.1	Các dự án chuyển tiếp					72.160	11.349	11.349	33.406	3.369	3.463	3.369	94	31%	
1	Trung tâm Giáo dục- Thường xuyên	Xã Bình Lư	DD cấp III	2023-2025	4082-13/12/2022	6.500	44	44	3.917	44	44	44		100%	

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng kế hoạch vốn	KHV giao chi tiết	Tình hình thực hiện năm 2025					Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Khối lượng thực hiện		Giải ngân từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				
									Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2025	Tổng số	Trong đó: Thanh toán KLHT	Tạm ứng		
15	Đường vào+Sân bê tông nhà văn hóa bản Chũ Lìn, xã Hồ Thầu	Xã Hồ Thầu	DD cấp IV	2025-2025	200-08/11/2024	252	252	252	229	229	229	229		91%	
16	Làm đường bê tông ngõ bản Lao Tý Phùng, xã Nùng Nàng	Xã Nùng Nàng	GT Cấp IV	2025-2025	215-07/11/2024	252	252	252	249	249	249	249		99%	
17	Làm đường bê tông nội đồng bản Lờ Thàng 1+2 (từ đường liên xã Thèn Sin- Sùng Phài đến cầu treo bản Lờ Thàng 1+2 (bên kia suối))	Xã Thèn Sin	GT Cấp IV	2025-2025	69-11/11/2024	252	252	252	-					0%	
18	Làm mương bê tông thủy lợi Nà Lóoc, bản Nà Khum, xã Bản Hon	Xã bản Hon	GT Cấp IV	2025-2025	346-13/11/2024	252	252	252	-	-	-			0%	
19	Sửa chữa đường trục bản Nậm Phát, xã Bản Bo	Xã Bản Bo	GT Cấp IV	2025-2025	227-06/11/2024	252	252	252	252	252	252	252		100%	
20	Sửa chữa đường trục bản Ma Sao Phìn Thấp, xã Khun Há	Xã Khun Há	GT Cấp IV	2025-2025	634-08/11/2024	252	252	252	-	-	-			0%	
2	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI					98.178	53.144	51.512	42.558	16.922	27.734	16.743	10.991	54%	
2.1	Dự án 1					4.887	2.594	962	2.740	451	451	451	-	47%	
a	HT nhà ở					280	280	280						0%	
	Xã Giang Ma					80	80	80						0%	
	Xã Bình Lư					80	80	80						0%	
	Xã Hồ Thầu					80	80	80						0%	
	Xã Bản Giang					40	40	40						0%	
b	Chưa phân chi tiết					1.633	1.632								do không có đối tượng thụ hưởng
	HT đất ở					80	80								
	HT đất SX					1.553	1.552								

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng kế hoạch vốn	KHV giao chi tiết	Tình hình thực hiện năm 2025					Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Khối lượng thực hiện		Giải ngân từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				
									Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2025	Tổng số	Trong đó: Thanh toán KLHT	Tạm ứng		
2.1	Dự án chuyển tiếp					2.974	682	682	2.740	451	451	451	-	66%	
1	NSH bản Rừng Ôi Khèo Thầu, xã Hồ Thầu	Xã Hồ Thầu	HTKT cấp IV	2023-2025	2695-12/8/2022	2.974	682	682	2.740	451	451	451		66%	
	Dự án 2					21.000	4.587	4.587	13.089	3.404	3.404	3.404	-	74%	
1	Sắp xếp ổn định dân cư bản Na Đông 1, xã Thèn Sin huyện Tam Đường	Xã Thèn Sin	HTKT cấp IV	2022-2024	2612-05/8/2022	21.000	4.587	4.587	13.089	3.404	3.404	3.404		74%	
	Dự án 4					42.823	29.533	29.533	9.839	4.099	13.837	4.099	9.738	47%	
a	Dự án chuyển tiếp					11.423	1.580	1.580	5.740	-	-	-	-	0%	
	Đường trục bản Nà Can; bản Phiêng Hoi; Đường ngõ bản các bản xã Bản Bo (Hua Sắng; Nậm Phát; Cò Nọt Mông; Nà Khuy; Phiêng Tiên; Nà Út; Nà Can); Đường nội đồng các bản xã Bản Bo (Hua Sắng; Nậm Phát; Cò Nọt Mông; Nà Khuy; Phiêng Tiên; Hóp Nhất; Nà Can)	Xã Bản Bo	GT Cấp IV	2024-2025	3297-20/11/2023	11.423	1.580	1.580	5.740	-	-			0%	
	Dự án khởi công mới năm 2025					31.400	27.953	27.953	4.099	4.099	13.837	4.099	9.738	50%	
	Đường trục bản Tân Phù Nhiêu, Suối Thầu; Đường nội đồng bản Nà Bò, Cốc Pa	Xã Bản Giang	GT Cấp IV	2025	2583-25/11/2024	5.000	4.451	4.451	2.032	2.032	2.887	2.032	855	65%	
	Đường nội đồng các bản Ma Sao Phìn thấp, Sằn Phàng Thấp, đường trục bản Ngải Thầu Thấp + rãnh thoát nước	Xã Khun Há	GT Cấp IV	2025	2584-25/11/2024	5.600	4.985	4.985	424	424	1.404	424	980	28%	
	Đường từ bản Phìn Ngan Xin Chải đến trung tâm xã Tả Lèng	Xã Tả Lèng	GT Cấp IV	2025	2585-25/11/2024	10.400	9.259	9.259	499	499	4.803	499	4.304	52%	
	Đường từ bản Giang Ma và bản Sin Câu đến trung tâm xã Giang Ma	Xã Giang Ma	GT Cấp IV	2025	2586-25/11/2024	9.600	8.546	8.546	431	431	4.031	431	3.600	47%	
	Xây cầu bản BTCT qua suối bản Ma Sao Phìn cao, bản thên thầu	Xã Khun Há	GT Cấp IV	2025	2510-25/11/2024	800	712	712	712	712	712	712		100%	
	Dự án 5					7.055	1.964	1.964	6.699	1.964	1.964	1.785	179	100%	
	Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Giang Ma	Xã Giang Ma	DD cấp III	2022-2024	2611-05/8/2022	7.055	1.964	1.964	6.699	1.964	1.964	1.785	179	100%	
	Dự án 6					8.433	3.921	3.921	4.954	1.767	1.867	1.767	100	48%	
a	Dự án chuyển tiếp					8.433	3.921	3.921	4.954	1.767	1.867	1.767	100	48%	
	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số: Dân tộc Lự Bản Thẳm, xã Bản Hon, huyện Tam Đường	Xã Bản Hon	DD cấp III	2024-2025	2611-05/8/2022	8.433	3.921	3.921	4.954	1.767	1.867	1.767	100	48%	
	Dự án 9					13.980	10.545	10.545	5.238	5.238	6.212	5.238	973	59%	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng kế hoạch vốn	KHV giao chi tiết	Tình hình thực hiện năm 2025					Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Khối lượng thực hiện		Giải ngân từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				
									Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2025	Tổng số	Trong đó: Thanh toán KLHT	Tạm ứng		
a	Dự án chuyển tiếp					2.280	129	129	-	-	-	-	-	0%	
1	Nâng cấp đường trục bản Bản Thẳm, xã Bản Hon	Xã Bản Hon		2024 - 2025	150/17.11.2023	1.500	59	59						0%	
2	Công trình nhà văn hóa bản Phiêng Păng xã Bản Bo	Xã Bản Bo		2024 - 2025	92/17.11.2023	780	70	70	70	70	70	70		100%	
b	Dự án khởi công mới năm 2025					11.700	10.416	10.416	5.238	5.238	6.212	5.238	973	60%	
1	Đường ngõ bản, đường nội đồng, hệ thống rãnh thoát nước bản Đông Pao 2	Xã Bản Hon	GT Cấp IV	2025	2587-25/11/2024	5.200	4.629	4.629	3.827	3.827	3.947	3.827	120	85%	
2	Thủy lợi Nậm Đeng bản Bãi Trâu	Xã Bản Hon	NN&PTNN cấp IV	2025	2512-11/11/2024	300	267	267	267	267	267	267		100%	
3	Thủy lợi Đông Pao 2	Xã Bản Hon	NN&PTNN cấp IV	2025	2511-11/11/2024	400	356	356	40	40	140	40	100	39%	
4	Thủy lợi Tỳ Sàng bản Đông Pao 2	Xã Bản Hon	NN&PTNN cấp IV	2025	2513-11/11/2024	750	668	668	67	67	266	67	198	40%	
5	Xây dựng kè bê tông nhà văn hóa bản Đông Pao 2	Xã Bản Hon	HTKT cấp IV	2025	2514-11/11/2024	2.300	2.048	2.048	1.037	1.037	1.592	1.037	555	78%	
6	Nâng cấp đường trục + hệ thống thoát nước Bản Thẳm	Xã Bản Hon		2025-2025	348-13/11/2024	1.000	890	890						0%	
7	Tu sửa Mường thủy lợi Bản Thẳm	Xã Bản Hon		2025-2025	345-13/11/2024	700	623	623						0%	
8	Xây dựng mới nhà văn hoá và các công trình phụ trợ bản Bãi Trâu	Xã Bản Hon		2025-2025	347-13/11/2024	1.050	935	935						0%	
B	NGUỒN XÃ QUẢN LÝ					3.715	3.045	2.180	505	155	855,7	835	21	39%	
I	Nguồn hỗ trợ để xây dựng huyện nông thôn mới					2.020	1.350	1.050	505	155	856	835	21	81%	
I	XÃ SƠN BÌNH					970	300	300	462	112	112,3	112	-	37%	
	Dự án chuyển tiếp					970	300	300	462	112	112	112	-	37%	
	Nhà văn hóa các bản 46, Nậm Dê, Chu Va 6 xã Sơn Bình	Xã Sơn Bình	DD cấp IV	2024-2025	183-19/9/2024	970	300	300	462	112	112	112		37%	
	Xã Nà Tăm					750	750	750	43	43	743,4	722	21	99%	
	Dự án khởi công mới năm 2025					750	750	750	43	43	743	722	21	99%	
	Nhà văn hóa bản Nà Luồng, xã Nà Tăm	Xã Nà Tăm		2025	665-17/12/2024	750	750	750	43	43	743	722	21	99%	
	Thị trấn Tam Đường					300	300	-							

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng kế hoạch vốn	KHV giao chi tiết	Tình hình thực hiện năm 2025					Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Khối lượng thực hiện		Giải ngân từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				
									Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2025	Tổng số	Trong đó: Thanh toán KLHT	Tạm ứng		
	Nhà văn hóa Bản Nà Đa	Thị trấn Tam Đường				300	300								Dừng thực hiện do không bố trí được mặt bằng
II	Nguồn thu xổ số					1.695	1.695	1.130	-	-	-	-	-	0%	
1	Xã Tả Lèng			2025		565	565	565						0%	
	Xây dựng nhà văn hóa và công trình phụ trợ bản Tả Lèng Lao Chải, xã Tả Lèng		DD cấp IV	2025	223/02,4,2025	565	565	565						0%	
2	Xã Giang Ma			2025		565	565	565						0%	
	Xây dựng nhà văn hóa và công trình phụ trợ bản Xin Chải, xã Giang Ma		DD cấp IV	2025	28/02,4,2025	565	565	565						0%	
2	Xã Nà Tăm					565	565								
	xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi xã Nà Tăm					565	565								dừng TH dự án do sắp xếp tổ chức bộ máy